

HOẠT ĐỘNG DI DÂN ĐỀN THÁI NGUYÊN ĐẦU THẾ KỶ XX

Hà Thị Thu Thủy*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Đối với người Pháp, Thái Nguyên là một tỉnh có tiềm năng lớn về nhiều mặt, cần phải có biện pháp quan trọng để khai thác. Vì vậy, trong quá trình khai thác thuộc địa ở Thái Nguyên, người Pháp đã tiến hành di dân miền xuôi lên làm công nhân trong các hầm mỏ và đồn điền. Hoạt động này đã làm biến đổi cơ học dân cư địa phương. Số lượng lớn cư dân miền xuôi đã lên Thái Nguyên làm ăn và sinh sống. Điều kiện sống cộng cư với người bản địa đã tạo nên khối đoàn kết dân tộc ở Thái Nguyên. Đây là nhân tố quan trọng góp phần quyết định sự thắng lợi của Thái Nguyên trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống đế quốc Pháp, Mĩ xâm lược (1945-1975), xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN (1975 đến nay).

Từ khóa: hoạt động di dân, Thái Nguyên, khai thác thuộc địa, khối đoàn kết dân tộc.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong Lịch sử Cận đại Việt Nam, nhân vật Đắc lơ được biết đến là một kẻ tàn ác khét tiếng trong “tứ hung” ở xứ Bắc Kỳ (*Nhất Đắc (Darles) nhì Ke (Ecker), tam Be (Gallambert), tứ Bít (Bride)*). Vì trong thời gian làm Công sứ tỉnh Thái Nguyên (từ tháng 4 - 1913 đến tháng 9-1917), Đắc lơ đã thực hiện chính sách cai trị tàn bạo đối với dân phu, binh lính người Việt và tù nhân ở Thái Nguyên. Đây là một nguyên nhân quan trọng làm bùng nổ khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Theo Đắc lơ, sở dĩ phải thực hiện chính sách này là do Thái Nguyên là một tỉnh có tiềm năng lớn về nhiều mặt, cần phải có sự ổn định về quân sự, chính trị và biện pháp thích hợp mới có thể khai thác được. Một trong những biện pháp quan trọng để khai thác tiềm năng này của Thái Nguyên là sự di dân miền xuôi lên làm việc trong các hầm mỏ và đồn điền.

Tiềm năng của tỉnh Thái Nguyên

Trong bài viết “*Les possibilités économiques de la province de Thai - Nguyen et les condition de son essor*” (Khả năng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên và những điều kiện cho sự phát triển của tỉnh) đăng trên *Bulletin Economique de L' Indochine* (Tập chí Kinh tế Đông Dương) số 127, năm 1917, Công sứ Đắc lơ đã trình bày về kết quả khảo sát về

tiềm năng của các châu huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên như sau:

Châu Định Hoá: Người bản địa là dân tộc Thổ, gần như toàn bộ ruộng lúa màu mỡ. Các thung lũng ở Quảng Nạp, Phương Vĩ Thượng không trồng lúa được nhưng lại thích hợp với cây hồi. Để cho cây hồi phát triển cần có các chính sách khuyến khích người trồng như thưởng hoặc miễn thuế từ 1-2 năm.

Châu Vân Lãng: Trái dài dưới chân dãy Tam Đảo với chiều dài trên 25km từ Tây Bắc xuống đông Nam. Về phía bắc, xung quanh chân núi Hồng, có một cánh đồng rộng lớn, thuận lợi trồng lúa mùa và trồng thầu dầu trong mùa khô, dễ dàng tạo nên một vùng với diện tích khoảng 300 ha cho một làng mới thành lập. Ở phía Nam, cánh đồng Phú Lạc Thượng kéo dài về phía Tây có thể nuôi sống 200 gia đình, tạo thành 4 làng mỗi làng 50 gia đình. Diện tích đất trồng có thể khai thác là 400 ha, thuận tiện cho việc trồng lúa. Về phía đông là các cao nguyên có độ dốc thấp, có thể trồng cây lương thực, có mương cung cấp nước tưới cho mọi vùng, gần chợ Hùng Sơn tiêu thụ các loại hàng hoá dễ dàng.

Huyện Đại Từ: Phía nam châu Vân Lãng, dựa vào dãy Tam Đảo, trung tâm huyện là Hùng Sơn là một trong những chợ lớn của Thái Nguyên. Ở phía Nam, cánh đồng Văn Yên và Ký Phú thừa nuôi sống dân cư. Dọc theo sông Công có cánh đồng rộng trải dài từ Yên

*Tel: 0912804549

Thuận, Yên Thái đến Lục Ba có diện tích hơn 400 ha bao bọc bởi đồi nhỏ, đủ nước tưới nên 1/4 diện tích có thể trồng lúa 2 vụ. Mặt khác, trên các đồi thấp giữa Lục Ba và Khôi Kỳ có thể khai hoang để trồng sắn, thầu dầu và cả cà phê, diện tích 2.000 ha. Nhìn chung, Đại Từ là một vùng hứa hẹn cho nông nghiệp, bằng cách mở rộng diện tích trồng lúa cũng như khả năng phát triển cây công nghiệp.

Huyện Phú Lương: Phú Lương mới thực sự xuất hiện từ hơn ba năm nay, việc đưa vào canh tác trên những cánh đồng hoang ở phía Nam Đồn Đu là một thành công rõ nét. Dân di cư đã định cư tại đây. Hàng trăm héc ta hai bên đường đã được canh tác. Vùng này có rất ít đất hoang. Những cánh rừng kém phát triển ở vùng thấp giành chỗ cho những ruộng lúa phì nhiêu, còn những cao nguyên thấp được sử dụng để trồng thầu dầu và những cây trồng cạn. Có một thuận lợi là Phú Lương gần trung tâm của tỉnh là lý do để khuyến khích những cố gắng của người dân di cư bản xứ trong việc khai khẩn đất hoang.

Châu Võ Nai: Là vùng rừng núi và khí hậu độc, không trong lành. Dân di cư không thích định cư. Những dòng suối bắt nguồn từ những dãy núi đá vôi cao tạo thành những thung lũng hẹp, những nơi rộng và bằng phẳng được canh tác bởi một số gia đình người Thổ và người Mán. Thung lũng trải dài từ La Hiên đến Đình Cả, cách chợ Đình Cả 8km là nơi định cư của người Kinh và Nùng. Đó là vùng giàu có và đông dân nhất ở Võ Nai. Toàn bộ phía bắc là vùng mở rộng lớn, việc khai thác kẽm ở Làng Hích thu hút nhân lực nhưng họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm một khu định cư trong lành, dù phải xuôi về Sông Cầu, hoặc đi xa hơn về Sa lung. Một làng mới đã được thành lập vào năm 1914 ở phía nam sông Làng Hích. Đất phù sa cạnh sông có thể canh tác dài khoảng 3km. Võ Nai dường như chỉ thích hợp cho công nghiệp mỏ, tính độc của vùng này sẽ cản trở việc khai hoang, không hấp dẫn việc di dân nông nghiệp.

Huyện Đồng Hỷ: Nằm ở phía bắc tỉnh lỵ, thung lũng mỏ Linh Nham, khu đồi Khe Mo và Phủ Lý không coi là địa điểm di dân bản

xứ. Tất nhiên, giữa những ngọn núi từ suối Bò Đái đến suối Khe Mo có những vùng đất thấp có thể chuyển thành ruộng lúa, nhưng sự không trong lành của vùng đất không hấp dẫn sự di dân bản xứ. Về phía nam, khí hậu trong lành hơn gần tỉnh lỵ lại có chợ nên sẽ hấp dẫn di dân. Chắc chắn rằng, có vùng đất giành cho di dân, khoảng 600 gia đình có thể dễ dàng xây dựng những trang trại nhỏ trong đó có 1/3 đất trồng lúa và 2/3 đất trồng màu.

Phủ Phú Bình: Ở phía nam là các cánh đồng rộng lớn nhưng thuộc sự quản lý của đồn điền Vạn Già (13.000 ha), chỉ còn vùng đất phía đông đồn điền, giáp với huyện Yên Thế (tỉnh bắc Giang) có thể dùng cho việc di dân, nhưng Phú Bình là nơi vốn có số dân tương đối đông, đặc biệt ở các tổng La Đình, Nhã Lộng nên cần có kế hoạch cải tạo một số vùng đất thấp thành ruộng lúa, diện tích dự kiến là 500 – 600 ha và 200 - 300 ha đất trồng màu. Vì vậy, cần phải có sự đo đạc chi tiết nhằm xác định chính xác diện tích đất được tạo ra bằng cách này.

Phủ Phổ Yên: Là địa danh ở phía nam của tỉnh Thái Nguyên, có hai đồn điền lớn của Guillaume (7.500 ha) và Raynaud (3.636 ha). Hai đồn điền này đã sở hữu tất cả đất trồng ở phía nam Phổ Yên. Phía bắc đất hoang nhiều, chủ yếu là đất đồi.

Việc kiểm tra chi tiết 8 châu, huyện của tỉnh Thái Nguyên, có thể kết luận Đình Hoá, Vũ Nhai và Phổ Yên khó có thể thực hiện di dân. Ngược lại, ở các vùng Đại Từ, Vân Lãng, Phú Lương, Đồng Hỷ và một phần Phủ Phú Bình, có khả năng cho ít nhất là 2.000 gia đình, với tổng số dân là 10.000 người [2].

Biện pháp di dân miền xuôi lên Thái Nguyên

Từ sự phân tích trên đây Công sứ Đắc Lơ cho rằng ảnh hưởng lớn đến kinh tế của tỉnh Thái Nguyên là tỉnh có ít dân và sống lệ thuộc vào tự nhiên, để phát triển nền kinh tế cần phải tính đến sự thay đổi về số dân và tính cách của họ. Giải pháp cho tình trạng này là di dân từ vùng xuôi lên và phân chia vùng hành chính. Để di dân, việc quan trọng số một của chính quyền là phải tạo ra điều kiện thuận lợi cho dân di cư.

Thứ nhất, cần phân tích những cái lợi và hại khi di cư hay ở lại đồng bằng, những viễn cảnh ở một vùng đất mới; tạo ra một cấp cán bộ trung gian không thể thiếu giữa chính quyền và người dân đó là các trưởng nhóm sau này sẽ là lý trưởng hoặc chánh tổng. “Cai” di dân (*Cai de colonisation*) có nhiệm vụ chuẩn bị chỗ ở cho dân di cư và toàn bộ những thứ cần thiết cho một gia đình (nhà, trâu, thóc, dụng cụ lao động). Điều quan trọng là phải làm cho người di cư không cảm thấy đơn độc khi đến nơi ở mới. Vì họ không biết gì về vùng đất và những tài nguyên của nó, không tiền, không dụng cụ trên một vùng đất khô cằn gần với rừng sẽ làm cho họ sợ hãi, nhưng họ sẽ yêu nó sau này khi tìm thấy kho báu trong đó. Trong sáu tháng đầu chính quyền địa phương phải cấp cho mỗi gia đình di cư đến 200 đồng Đông Dương để làm nhà mua các đồ dùng tối thiểu. Sau ba năm khai thác hoàn trả 1/4. Đất được cấp đăng ký theo sở hữu cá nhân, dân di cư có quyền được bán hoặc cầm cố. Thuế đất chỉ phải nộp sau 5 năm. Các nhà cầm quyền phải duy trì quyền tín ngưỡng của người dân. Tên các làng xã mới phải do người dân đặt. Như vậy, có thể lập nên những thôn xóm mới từ những gia đình có cùng nguồn gốc địa lý hành chính.

Thứ hai, tạo thuận tiện cho việc giao lưu với các tỉnh đông dân. Dự án đường xe điện Thái Nguyên có chiều rộng 1m là mục tiêu nghiên cứu năm 1917 và việc xây dựng dự tính sẽ được thực hiện trong một thời gian ngắn. Một công ty công nghiệp phải kéo dài nó đến tận Phấn Mễ ở đó sẽ đặt ga cuối cùng là điểm kết thúc của một tuyến đường hẹp hiện tại đang xây dựng giữa Làng Hích và Phấn Mễ. Tuyến đường này dài 12km và có khả năng tiếp nhận những đường nhánh (phụ) về Làng Hích, sẽ đảm nhận vận chuyển cả các khoáng khai thác của công ty mỏ tại các điểm khai thác khác nhau. Nhưng tuyến đường lớn Phấn Mễ - Thái Nguyên - Đông Anh sẽ được khai thác để vận chuyển. Do đó, những người dân di cư, định cư ở Đại Từ và Văn Lãng chỉ cách đường sắt khoảng 15 hoặc 20km. Rời nhà vào buổi sáng, tối đã đến Hà Nội, chi phí không

quá 1 đồng Đông Dương. Còn các ga từ Thái Nguyên đến Đa Phúc sẽ đón khách (dân di cư) ở Đồng Hỷ, công nhân nông nghiệp của các đồn điền Đồn Bầm, Đồn Quang, Gia Sàng, Sơn Cốt, Chã và tất cả những người xung quanh tuyến đường, đồng thời vận chuyển hàng hoá, cũng như những người di cư từ dưới xuôi. Các nhà máy công nghiệp cũng được hưởng lợi vì chi phí khai thác giảm nhờ lực lượng lao động dồi dào kéo theo việc giảm lương trong ngày.

Việc xây dựng tuyến đường sắt rõ ràng còn mở ra triển vọng rộng lớn trong tương lai về kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Còn đối với các đồn điền nông nghiệp của người Pháp thì đây là sự kết thúc của một thời gian dài trì trệ, ảnh hưởng đến hoạt động phát triển của việc thực dân hoá vốn đã bị tê liệt bởi lực lượng lao động không đủ và công quá đắt. Nhờ tuyến đường sắt đã giải quyết được sự thiếu công nhân, phát triển nông nghiệp, giảm phí vận chuyển, giảm tiền công lao động với người dân bản xứ. Việc mở ra tuyến đường sắt là sự văn minh, là sự tiến bộ. [4]

Từ những biện pháp trên, dân di cư đến Thái Nguyên ngày một nhiều. Thông tin về vấn đề di dân trong các Báo cáo kinh tế của Công sứ Thái Nguyên thời kỳ trước năm 1945 cho biết đến năm 1938, số dân di cư đến Thái Nguyên chiếm 1/5 số dân toàn tỉnh.

Bảng 1: Chi phí của chính quyền cho một gia đình mới định cư [3]

1- Tiền làm nhà và những dụng cụ chính	10 đồng Đông Dương
2- Một con trâu	25 đồng Đông Dương
3- Nông cụ	6 đồng Đông Dương
4- Thóc 120 kg/tháng (cho 6 tháng)	48 đồng Đông Dương
5- Hạt giống các loại	10 đồng Đông Dương
6- Tiền 10 đồng/tháng	60 đồng Đông Dương
7- Quinin cho 6 tháng (250g)	18 đồng Đông Dương
8- Chi phí khác	23 đồng Đông Dương
Cộng	200 đồng Đông Dương

Bảng 2: Số dân di cư đến Thái Nguyên (1930 – 1938) [5]

Năm	Số hộ	Số khẩu
1930	598	2.001
1935	1.410	5.502
1936	1.695	6.473
1937	2.386	6.887
1938	-	4.165
Cộng	6.089	24.028

Trong số đó chủ yếu là người Kinh miền xuôi. Năm 1938, có 4.165 dân di cư bao gồm: Thái Bình có 809 người, Nam Định có 807 người, Bắc Ninh có 315 người, Hưng Yên có 268 người, Hà Đông có 243 người, Hà Nam có 217 người, Ninh Bình có 151 người, Bắc Giang có 132 người, Sơn Tây có 122 người. Số dân còn lại thuộc các tỉnh Lạng Sơn, Hải Dương, Phúc Yên, Hà Nội, Cao Bằng [6]. Các làng xóm mới của người Kinh dần hình thành kể cả ở các châu huyện vùng núi. Các báo cáo kinh tế của Công sứ Thái Nguyên cho

Trong “*Báo cáo kinh tế tỉnh Thái Nguyên năm 1937*” đã có thống kê về loại hình đồn điền nhỏ như sau:

Bảng 3: Thống kê các đồn điền nhỏ từ năm 1926-1937 [10]

Năm	Đồn điền tạm thời				Đồn điền vĩnh viễn			
	Người Việt		Người bản địa		Người Việt		Người bản địa	
	Số đồn điền	Diện tích (héc ta)	Số đồn điền	Diện tích (héc ta)	Số đồn điền	Diện tích (héc ta)	Số đồn điền	Diện tích (héc ta)
1926	33	170	19	57	36	138	19	180
1927	62	158	131	432	60	327	130	342
1927	38	95	79	187	10	28	23	30
1929	7	60	20	90	-	-	-	-
1930	6	55	29	101	-	-	-	-
1931	16	165	9	70	1	15	22	170
1932	20	248	32	160	25	190	69	286
1933	42	321	136	655	11	85	121	425
1934	51	410	119	505	28	283	141	539
1935	60	472	149	532	10	80	47	320
1936	80	472	155	456	8	42	17	71
1937	209	1.672	169	521	70	250	28	61
Tổng	624	4.298	1.047	3.766	259	1.838	617	2.424

Công sứ tỉnh Thái Nguyên năm 1937 đã ghi nhận: “*Với sự di dân của người Việt phát triển mạnh, đơn xin cấp đất lập đồn điền ngày càng nhiều, nhiều xã của dân di cư đang được thành lập*” và “*... muốn quyết định được một phong trào di dân cần thiết cho công cuộc khai hóa thực dân... biện pháp này là biện pháp duy nhất có thể gắn chặt họ với đất đai và định cư họ lại*” [11].

KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy, hoạt động di dân miền xuôi lên Thái Nguyên của người Pháp là biện pháp quan trọng để khai thác tiềm năng tỉnh Thái Nguyên trong quá trình khai thác thuộc địa. Đánh giá một cách khách quan, hoạt động này đã làm biến đổi cơ học dân cư địa phương. Một số lượng lớn dân cư miền xuôi đã lên Thái Nguyên làm công nhân trong các hầm mỏ hoặc đồn điền của người Pháp. Một bộ phận không nhỏ trong số họ đã định cư ở đây và hình thái cư trú của họ đã có những thay đổi nhất định. Trong đó, chủ yếu là loại hình sống xen cư với người bản địa. Điều kiện sống cộng cư cùng với sự tương tác về kinh tế, văn hoá giữa cư dân miền xuôi với các tộc người bản địa đã tác động mạnh mẽ đến quá trình hoà hợp tộc người tạo nên khối đoàn kết dân tộc ở Thái Nguyên. Đây là nhân tố quan trọng góp phần quyết định tới sự thắng lợi của Thái Nguyên trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống đế

quốc Pháp, Mĩ xâm lược (1945-1975), xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN (1975 đến nay).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] [2] [3] [4] “*Les possibilités économiques de la province de Thai - Nguyen et les condition de son essor*” Bulletin économique de l’Indochine, số 127, năm 1917, Thư viện Quốc Gia, Hà Nội.
 [5] [6] Nguyễn Duy Tiên (2002), *Quá trình thực hiện quyền sử hữu ruộng đất cho nông dân ở Thái Nguyên (1945-1957)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.27-28.
 [7] *Province de Thai Nguyen. Rapport économique 1931*. Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, phòng RST, Hồ sơ 74.424.
 [8] *Province de Thai Nguyen. Rapport économique 1935*. TTLTQG I, phòng RST, Hồ sơ 78.427.
 [9] *Province de Thai Nguyen. Rapport économique 1938*. TTLTQG I, phòng RST, Hồ sơ 78.430.
 [10] [11] *Province de Thai Nguyen. Rapport économique 1937*. TTLTQG I, phòng RST, Hồ sơ 78.429.

SUMMARY

**THE EMIGRATION TO THAI NGUYEN PROVINCE
AT THE BEGINNING OF THE TWENTIETH CENTURY**

Hà Thị Thu Thủy*

College of Education – TNU

For the French, Thai Nguyen province had a great potentiality in many aspects, therefore it was important to take measures to exploit. Thus, in the process of colonization in Thai Nguyen, the French had undertook the migration of people from lowland to be workers in mines and plantations in upland. This activity had mechanically transformed the local people. There was a large number of lowland people emigrated to Thai Nguyen to work and live. That the living condition of coexistence with the local people made the great national unity bloc in Thai Nguyen; this was the significant factor mainly contributing to the victory of Thai Nguyen in the August Revolution in 1945, the war against the French empire, the U.S. invasion (1945-1975), building and defending the socialist nation (1975 to now).

Key words: *imigration, Thai Nguyen, colonization, the national unity,*

Ngày nhận bài: 11/3/2013; Ngày phản biện: 27/4/2013; Ngày duyệt đăng: 06/6/2013

* Tel: 0912.804.549